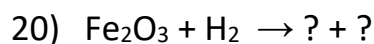
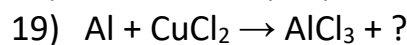
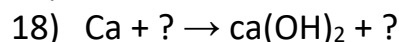
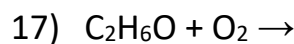
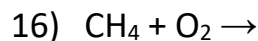
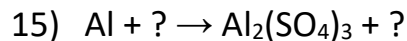
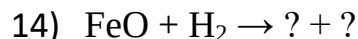
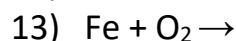
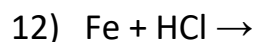
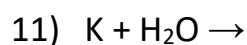
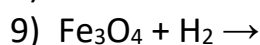
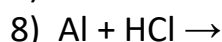
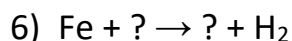
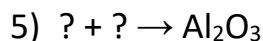
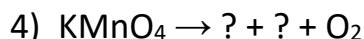
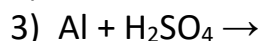
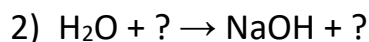
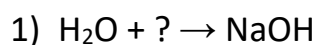


BÀI TẬP ÔN HÓA 8 HỌC KÌ II

1/ Bổ túc và hoàn thành các phương trình sau (ghi rõ điều kiện nếu có):



- Trong các phản ứng trên, em hãy chỉ ra phản ứng nào là hóa hợp? Phản ứng phân hủy? Phản ứng thế?

2/ Cho các chất sau : K, Fe, Na, K_2O , Mg, CuO, Ba, N_2O_5 , CaO.

a/ Chất nào tác dụng với nước ở điều kiện thường ?

b/ Chất nào tác dụng với nước tạo thành dung dịch axit ở điều kiện thường?

c/ Chất nào tác dụng với nước tạo thành dung dịch bazơ ở điều kiện thường?

d/ Chất nào tác dụng với nước tạo thành dung dịch bazơ và có khí thoát ra ở điều kiện thường?

- Viết phương trình phản ứng nếu có.

3/ Viết phương trình phản ứng khi cho các chất sau tác dụng với khí oxi (nếu có):

a/ Cacbon, lưu huỳnh, kẽm, bạc.

b/ Khí hiđro, photpho, magie, sắt.

c/ Khí metan (CH_4), etilen (C_2H_4), rượu etylic ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$).

4/ Bằng phương pháp hóa học hãy **phân biệt** các chất khí:

a/ Oxi, hiđro và nitơ.

b/ Oxi, không khí và cacbonic.

5/ Bằng phương pháp hóa học hãy **phân biệt** các chất rắn:

a/ K_2O , P_2O_5

b/ Na_2O , CuO, CaO

c/ K_2O , MgO, P_2O_5

6/ Bằng phương pháp hóa học hãy **phân biệt các dung dịch:**

1. NaOH, HCl, H₂O.
2. KOH, HNO₃, H₂O

7/ Đốt cháy 6,2g photpho trong không khí thu được 1 hợp chất A.

- a/ Tính khối lượng A ? (14,2 g)
- b/ Tính thể tích khí oxi cần dùng (đktc)? (5,6lit)
- c/ Hòa tan chất rắn A vào nước thu được 400ml dung dịch B. Tính nồng độ mol của dung dịch B? (0,5 M)

8/ Hòa tan hoàn toàn kim loại natri vào nước dư thu được 200 gam dung dịch A và 3,36 lít khí B thoát ra ở đktc.

- a) Viết phương trình hóa học xảy ra?
- b) Tính khối lượng natri phản ứng? (6,9g)
- c) Tính nồng độ phần trăm của dung dịch A? (6%)
- d) Dùng hết lượng khí B thu được ở trên để khử sắt (III) oxit ở nhiệt độ cao. Tính khối lượng sắt thu được? (5,6g)

9/ Trong phòng thí nghiệm, thu khí hidro bằng cách cho 13 gam kẽm tác dụng vừa đủ với dung dịch axit clohidric 10% . Dùng toàn bộ khí thu được ở phản ứng trên để khử đồng (II) oxit nung nóng thu được kim loại đồng.

- a) Viết PTHH của phản ứng xảy ra?.
- b) Tính khối lượng dung dịch axit cần dùng? (146g)
- c) Tính khối lượng muối kẽm clorua tạo thành? (27,2g)
- d) Tính thể tích khí hidro được sinh ra (ở đktc)? (4,48 lít)
- e) Tính khối lượng kim loại đồng tạo thành? (12,8g)

10/ Dẫn 8,96 lít khí hidro (đktc) qua bột oxit sắt từ nung nóng thu được kim loại A. Sau đó dùng kim loại A cho tác dụng vừa đủ với 500 ml dung dịch axit clohidric thu được dung dịch muối B và khí C (đktc).

- A/ Tính khối lượng kim loại A? (16,8g)
- B/ Tính thể tích khí C đktc? (6,72 lít)
- C/ Tính nồng độ mol của dung dịch axit cần dùng? (1,2 M)

Hướng dẫn bài tập 7,8,9,10:

1. Viết phương trình và cân bằng (2 phương trình).
2. Tính số mol chất đề bài cho (dùng 1 trong 3 công thức sau):

$$A/ n = m/M$$

$$B/ n = V_{\text{khí}} / 22,4$$

$$C/ n = C_M \cdot V_{\text{dd}}$$

3. Tính số mol các chất trên phương trình bằng cách nhân chéo và chia ngang.

4. Giải theo yêu cầu bài toán.

A. Tính khối lượng: $m = n \cdot M$

B. Tính thể tích khí ở đktc: $V = n \cdot 22,4$

C. Tính thể tích dung dịch: $V_{\text{dd}} = n / C_M$

D. Tính nồng độ mol: $C_M = n / V_{\text{dd}}$

E. Tính khối lượng dung dịch: - Tìm khối lượng chất tan $m = n \cdot M$

- Tìm $m_{\text{dd}} = (m_{\text{ct}} \cdot 100\%) / C\%$

F. Tính nồng độ phần trăm: $C\% = (m_{\text{ct}} \cdot 100\%) / m_{\text{dd}}$

11/ Em hãy trình bày cách tiến hành để pha chế được 250g dung dịch muối ăn 12%?

Hướng dẫn: - Tìm khối lượng chất tan của muối ăn (30gam)

- Tìm khối lượng nước. (220 gam)

- Ghi cách tiến hành: cho 30gam muối ăn vào 220 g nước ta được 250g dung dịch muối ăn 12%)

(K= 39, Cl=35,5, O=16, Al=27, Mn= 55, Na=23, P=31, Fe=56, Zn=65, Cu=64)